TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2023/HS-ST
Ngày: 25/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Giáo .

Ông Trần Văn Triều.

Thư ký phiên tòa: Ông : Lưu Quốc Khánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/4/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2023/HSST ngày 27/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1601/2023/QĐXXST-HS ngày 12/4/2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: W **(Ôn Tư P)**, sinh năm 1988, sinh tại Đài Loan – Trung Quốc; Nơi cư trú trước khi bị bắt: căn hộ B chung cư V, số A đường V, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Đài Loan - Trung Quốc; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Q (Ôn Cẩm T) và bà H (Thái Lệ H); Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 13/5/2021, bị Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng, về hành vi khai không đúng sự thật để được cấp thị thực.

Nhân thân: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, làm giả hồ sơ thương hiệu (Thông tin do Văn phòng kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp - Bút lục 123).

Bị tạm giam từ ngày 28/4/2022 đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1992 tại Thành phố C; Nơi đăng ký HKTT: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ; Chỗ ở: Căn hộ B chung cư V, số A đường V, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị M; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 28/4/2022 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo W:

Ông Ngô Minh Đ, bà Võ Thị Bích N và ông Nguyễn Viết T2 đều là Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T:

Bà Nguyễn Ngọc T3 là Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

Người phiên dịch:

Bà M, sinh năm 1980; trú tại số A đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 28/4/2022, tổ công tác Phòng 6 - Cục Quản lý xuất nahajp cảnh, Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, thuộc Bộ Công an phối hợp với Công an Phường 3, Quận F kiểm tra căn hộ B chung cư V, số A đường V, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện bắt quả tang W và Nguyễn Thị Ngọc T có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Tổ công tác thu giữ 02 gói nylon chứa tinh thể không màu và 01 đĩa gỗ hình tròn, bên trên mặt đĩa có chất bột màu trắng; 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng; 01 cân điện tử; 01 thẻ nhựa hình chữ nhật; 02 điện thoại di động. W và Nguyễn Thị Ngọc T khai 02 gói nylon chứa tinh thể không màu và chất bột màu trắng bên trên mặt đĩa gỗ hình tròn là ma túy nên Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với W và Nguyễn Thị Ngọc T (Bút lục 33, 34, 35).

Theo Kết luận giám định số 2529/KL-KTHS, ngày 05/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì 02 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, khối lượng 89,9064g, loại Ketamine; chất bột màu trắng bên trên mặt đĩa gỗ hình tròn là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,3483g, loại Ketamine (Bút lục 15, 16). Tổng khối lượng ma túy thu giữ của W và Nguyễn Thị Ngọc T là 90,2547 gam, loại Ketamine.

W và Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận: W và T chung sống với nhau như vợ chồng tại căn hộ B chung cư V, số A đường V, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn gốc số ma túy Cơ quan Công an thu giữ là của W nhờ T đặt mua về sử dụng, cụ thể: T đã nhiều lần liên lạc với một người đàn ông không rõ lai lịch, sử dụng số điện thoại 0931464092 đặt mua ma túy loại Ketamine và chuyển tiền qua tài khoản để trả cho người này. Vào ngày 21/4/2022, W nhờ T đặt mua 200 gam ma tuý Ketamine, nên T liên lạc với người bán ma tuý và báo giá lại cho W biết là 132.000.000 đồng thì W đồng ý mua. W thanh toán tiền mua ma tuý qua chuyển khoản ngân hàng lần thứ nhất 90.000.000 đồng và lần thứ hai

là 42.000.000 đồng. Khi chuyển khoản xong, W gửi hình ảnh đã chuyển khoản thành công cho T, để T gửi tiếp cho người bán ma tuý. Khi người bán đem ma túy đến khu vực chung cư V thì thông báo cho T biết và T báo lại cho W SSu Fan xuống nhận được 02 gói với mỗi gói là 100 gam ma tuý, loại Ketamine. Sau khi mua được số ma tuý trên, W SSu F đem lên căn hộ rồi đổ một ít ra đĩa sử dụng, số ma tuý còn lại đến ngày 28/4/2022 bị Công an kiểm tra, thu giữ trong đó có số ma túy còn trên đĩa chưa sử dụng hết. Kết quả xét nghiệm ma túy W, Nguyễn Thị Ngọc T dương tính với ma túy. Riêng T khai không sử dụng ma túy cùng với W nhưng trước đó có sử dụng ma túy tại quán Karaoke không rõ địa chỉ.

W khai nhận tài khoản dùng để chuyển trả tiền mua ma túy là do nhờ một người phụ nữ bán quần áo ở chợ B đứng tên mở thẻ. Sau khi nhận thẻ, W Ssu Fan sử dụng và không gặp lại người phụ nữ này nữa. Kết quả xác minh bà Nguyễn Thị Kim A sinh năm 1987, có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh T và chỗ ở là số C đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, đứng tên chủ thẻ. Bà Kim A trình bày mở giùm tài khoản cho một người đàn ông quốc tịch Đài Loan, bà không sử dụng thẻ, không biết W và Nguyễn Thị Ngọc T. Lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim A phù hợp lời khai của W.

Xác minh tài khoản nhận tiền mua bán ma túy số 060267961150 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Saccombank), do Trần Xuân K sinh năm 1996, có hộ khẩu thường trú tại số A đường V, phường T, thành phố V, tỉnh N và chỗ ở tại số B đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ tài khoản. Hiện tại K không còn cư trú tại các địa chỉ trên và không xác định được nơi cư trú, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã Quyết định thông báo truy tìm người đối với Trần Xuân K.

* Vật chứng vụ án:

- 01 (một) gói niêm phong số 2529 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Xuân S thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Điều tra viên Trần Trọng N1, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 (một) đĩa bằng gỗ, hình tròn là của W dùng chứa ma tuý để sử dụng.

- 01 (một) cân điện tử dùng để cân ma tuý.

- 01 (một) thẻ nhựa hình chữ nhật: W khai nhặt được thẻ ATM ngân hàng ACB mang tên Phạm Văn T4 và mang về dùng để cà nhuyễn ma tuý ra sử dụng. Kết quả điều tra, chủ thẻ là Phạm Văn T4 (sinh năm 2004, nơi cư trú: số C đường T, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng). Tài khoản này T4 không sử dụng và đã đóng vào ngày 20/4/2022.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh; Imei 1: 352114951072928; Imei 2: 352114951280133; bên trong có sim số 0908053412 là của Nguyễn Thị Ngọc T sử dụng để liên lạc cá nhân và liên lạc mua ma tuý.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu samsung màu đen; Imei 1: 351864451976660; Imei 2: 355795641976663; bên trong có sim số 0948524319 là của Nguyễn Thị Ngọc T sử dụng để liên lạc cá nhân.

- Tiền Việt Nam: 1.000 đồng thu giữ lúc bắt quả tang là tiền W dùng để sử dụng ma tuý (đã gửi vào tài khoản tại Kho bạc nhà nước).

Cáo trạng số 82/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 08/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố W và Nguyễn Thị Ngọc T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm l khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như đã hệ thống tại bản Cáo trạng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm l khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm l khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo W Ssu Fan từ 7 năm đến 8 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T từ 6 năm đến 7 năm tù.

Về vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Luận cứ bào chữa của Luật sư Nguyễn Ngọc T3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T như sau:

- Thống nhất về tội danh, về Điều khoản mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo T và những tình tiết giảm nhẹ mà Đại diện Việm kiểm sát đề nghị tòa áp dụng.

- Bị cáo T chỉ là người giúp sức cho bị cáo W.

- Bị cáo không biết hành vi mua ma túy giùm cho người khác là phạm tội.

- Đề nghị tòa xử phạt bị cáo T mức án thấp hơn mức án mà Đại diện Việm kiểm sát đề nghị.

Luận cứ của Luật sư Nguyễn Viết T2 bào chữa cho bị cáo W có nội dung sau:

-Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo W.

- Công an bắt bị cáo W cùng bị cáo T có hành vi cất giấu trái phép 90,2547 gam chất ma túy, loại Ketamine không phải là chuyên án.

- Bị cáo mua ma túy để sử dụng riêng, không nhằm mục đích mua bán; không rủ rê, lôi kéo bị cáo T và người khác sử dụng số ma túy đã mua.

- Bị cáo thiếu hiểu biết về pháp luật Việt Nam.

- Do dịch bệnh Covid 19 làm bị cáo thất nghiệp, dẫn đến bị cáo mua ma túy sử dụng cho bớt căng thẳng, giảm áp lực.

- Do bị cáo nhận thức sai lầm Pháp luật Việt Nam. Vì tại Đài Loan hành vi tàng trử ma túy để sử dụng xử phạt nhẹ, nên bị cáo tin rằng hành vi của bị cáo không phạm tội.

- Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và tích cực cộng tác với Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo W mức án dưới khung hình phạt mà bị cáo đã phạm.

Luận cứ của Luật sư Ngô Minh Đ bào chữa cho bị cáo W Ssu Fan như sau:

- Thống nhất với Luận cứ bào chữa của Luật sư Nguyễn Viết T2.

- Bị cáo W còn có những tình tiết giảm nhẹ khác là điểm h, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bởi lẽ, bị cáo mới phạm tội lần đầu và hành vi của bị cáo chưa xảy ra hậu quả.

Luật sư Võ Thị Bích N bào chữa cho bị cáo W1 thống nhất toàn bộ luận cứ bào chữa của Luật sư Ngô Minh Đ và Luật sư Nguyễn Viết T2.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp, tranh luận như sau:

Đối với luận cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với luận cứ bào chữa của các Luật sư bào chữa cho bị cáo W thì Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền quản lý của nhà nước đối với các hất gây nghiện tức là gây hậu quả đã xảy ra, nên bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Nếu bị cáo lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cáo phạm thêm một tội khác; Nếu bị cáo bán số ma túy đã mua cho người khác thì bị cáo phạm vào tội khác nặng hơn. Do đó bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

-Hành vi tàng trử trái phép chất ma túy của bị cáo bị bắt quả tang và bị cáo không chỉ ra người bán ma túy, người mà bị cáo chuyển tiền mua ma túy, nên bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các Luật sư và Đại diện Viện kiểm sát không còn đối đáp, tranh luận với nhau về vấn đề nào khác và đều bảo lưu ý kiến đã tranh luận.

Các bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với các chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được, nên có đủ căn cứ để xác định: 90,2547 gam chất ma túy, loại Ketamine mà tổ công tác Phòng 6 - Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, thuộc Bộ Công an thu giữ vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 28/4/2022, khi kiểm tra căn hộ B12A.10 chung cư V, số A đường V, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, là của bị cáo W và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T mua để sử dụng. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm l khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng. Nó không những xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất gây nghiện mà còn có khả năng gây ra những hậu quả xấu cho xã hội, nếu như khối lượng các chất ma túy trên không bị phát hiện và thu giữ kịp thời. Trong vụ án này bị cáo W là người có vai trò quang trọng hơn, nó thể hiện qua hành vi nhờ người đứng tên mở tài khoản để bị cáo chuyển tiền mua ma túy, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T liên hệ, tìm người bán ma túy để bị cáo mua. Bị cáo đã bị tòa án Đài Loan –Trung Quốc kết tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, làm giả hồ sơ thương hiệu; đã từng bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai không đúng sự thật để được cấp thị thực. Lẽ ra, sau lần bị xử phạt này bị cáo phải nghiêm túc chấp hành pháp luật Việt Nam, nhưng bị cáo lại tiếp tục vi phạm pháp luật Việt Nam và lần vi phạm này có tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn, điều này cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém và là người khó cảm hóa, giáo dục.

Do đó hình phạt áp dụng cho bị cáo W Ssu Fan như Viện kiểm sát đề nghị mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T là người giúp sức tích cực cho bị cáo W, là người trực tiếp tìm nguồn ma túy, trực tiếp giao dịch với người bán ma túy và cung cấp địa chỉ của W cho người bán ma túy đến giao ma túy cho bị cáo W. Với hành vi trên, nên mặc dù bị cáo chỉ là người giúp sức, nhưng hình phạt áp dụng cho bị cáo cũng phải nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay.

[5] Xét về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 còn quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...". Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nên cần áp dụng phạt bổ sung để tăng cường tính răn đe và giáo dục.

Nhận định trên cũng là lập luận của Hội đồng xét xử để chấp nhận toàn bộ lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và một phần lời bào chữa bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Các vật chứng sau:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh; Imei 1: 352114951072928; Imei 2: 352114951280133; bên trong có sim số 0908053412 là của Nguyễn Thị Ngọc T sử dụng để liên lạc cá nhân và liên lạc mua ma tuý.

- Tiền Việt Nam: 1.000 (Một nghìn) đồng thu giữ lúc bắt quả tang là tiền của W (đã gửi vào tài khoản tại Kho bạc nhà nước).

- 01 (một) cân điện tử dùng để cân ma tuý.

Là những công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng để phạm tội và có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen; Imei 1: 351864451976660; Imei 2: 355795641976663; bên trong có sim số 0948524319 là của Nguyễn Thị Ngọc T. Quá trình điều tra không chứng minh bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội, nên căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo T.

Các vật chứng sau:

- 01 (một) gói niêm phong số 2529 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Xuân S thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, và Điều tra viên Trần Trọng N1, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 (một) đĩa bằng gỗ, hình tròn là của W dùng chứa ma tuý để sử dụng.

- 01 (một) thẻ nhựa hình chữ nhật: W khai nhặt được thẻ ATM ngân hàng ACB mang tên Phạm Văn T4 và mang về dùng để cà nhuyễn ma tuý ra sử dụng. Kết quả điều tra, chủ thẻ là Phạm Văn T4 sinh năm 2004, nơi cư trú: số C đường T, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tài khoản này T4 không sử dụng và đã đóng vào ngày 20/4/2022.

Là vật cấm tàng trử, cấm lưu hành và có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm điểm l khoản 2, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

1/ Xử phạt: W 08 (tám) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (Ngày 28/4/2022).

Phạt bổ sung 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

2/ Xử phạt: Nguyễn Thị Ngọc T 6 (sáu) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (Ngày 28/4/2022).

Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các vật chứng sau:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh; số Imei 1: 352114951072928; số Imei 2: 352114951280133; bên trong có sim số 0908053412 (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu xanh, Imei khay sim: 352114951072928, không kiểm tra imei, số sim do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- Tiền Việt Nam: 1.000 (Một nghìn) đồng.

- 01 (một) cân điện tử.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) gói niêm phong ghi số 2529, có chữ ký ghi tên của Giám định viên Nguyễn Xuân S (PC09), Điều tra viên Trần Trọng N1 (PC04), bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 (một) đĩa bằng gỗ, hình tròn;

- 01 (một) thẻ nhựa hình chữ nhật.

Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 01 (một) điện thoại di động hiệu samsung màu đen; số Imei 1: 351864451976660; số Imei 2: 355795641976663; bên trong có sim số 0948524319 (không kiểm tra số sim, Imei2 do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2023/144 ngày 15/02/2023 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC04 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Số tiền 1.000 (Một nghìn) đồng lưu giữ tại Kho bạc nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy nộp tiền ngày 31/10/2022,

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, để sung vào ngân sách nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại giam; (2)
- Người bào chữa; (4)
- Đương sự; (0)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (25) (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu